

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

1211

ĐH.109

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (47 -)/DA23PHCN

CBGD: Lê Thủy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
12/01/2024

Phòng thi: ĐH.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	117323001	Võ Thị Mỹ An	15/12/2005	Nữ	8,0	4,8	6,4	001	M2		
2	117323002	Đặng Thị Hồng Anh	26/07/2005	Nữ	8,0	4,5	6,3	002	Chau		
3	117323004	Đoàn Trần Quốc Cường	19/01/2005	Nam	7,1	5,0	6,1	003	Quoc		
4	117323005	Đỗ Hùng Duy	06/03/2005	Nam	8,0	3,8	5,9	004	Duy		
5	117323006	Nguyễn Khánh Duy	11/04/2005	Nam	7,0	3,5	5,3	005	Khang		
6	117323007	Lê Võ Hồng Đức	16/11/2005	Nam	6,8	3,8	5,3	006	Phu		
7	117323008	Đinh Tuấn Đạt	18/05/2004	Nam	7,0	4,5	5,8	007	Phu		
8	117323009	Nguyễn Văn Hải	12/06/2005	Nam	8,0	4,5	6,3	008	Phu		
9	117323010	Trương Việt Hoàng	27/02/2005	Nam	8,0	4,5	6,3	009	Phu		
10	117323011	Võ Lê Minh Hoàng	22/12/2005	Nữ	7,0	3,8	5,4	010	Phu		
11	117323013	Trịnh Gia Hy	29/09/2005	Nam	7,0	4,8	5,9	011	Phu		
12	117323015	Lý Thị Ngọc Liên	04/10/2005	Nữ	8,0	4,8	6,4	012	Phu		
13	117323016	Cao Nhật Huỳnh Mai	17/01/2005	Nữ	8,0	4,8	6,4	013	Mai		
14	117323017	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	26/11/2005	Nữ	7,8	4,3	6,1	014	Phu		
15	117323018	Võ Lê Thành Nhân	24/05/2005	Nam	8,0	4,3	6,2	015	Phu		
16	117323020	Võ Chí Thông	21/05/2005	Nam	7,0	4,8	5,9	016	Phu		
17	117323021	Lê Lan Thy	03/11/2005	Nữ	8,0	5,0	6,5	017	Phu		
18	117323022	Huỳnh Trần Huyền Trang	05/08/2005	Nữ	8,0	4,0	6,0	018	Phu		
19	117323023	Lê Huỳnh Bảo Trâm	14/11/2005	Nữ	7,0	2,8	4,9	019	Phu		
20	117323024	Võ Thị Huyền Trân	23/09/2005	Nữ	7,0	4,0	5,5	020	Phu		
21	117323025	Mai Lê Thanh Tú	17/03/2005	Nam	7,0	4,5	5,8	021	Phu		
22	117323026	Nguyễn Công Tú	15/02/2005	Nam	6,8	3,3	5,1	022	Phu		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

12/1
D71 110

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (47 -)/DA23PHCN

CBGD: Lê Thủy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: T.N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

12 / 01 / 2024

Phòng thi: D71 110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	117323027	Mạc Hồng	Tuyết	02/09/2005	Nữ	7,3	3,8	5,6	001	<u>Mạc Hồng</u>	
2	117323029	Dương Hoàng	Ân	23/11/2005	Nam	—	—	—	—	—	
3	117323031	Nguyễn Vũ Gia	Huy	19/02/2004	Nam	7,5	3,5	5,5	003	<u>Nguyễn Vũ Gia</u>	
4	117323032	Trịnh Đăng	Khôi	17/12/2005	Nam	7,0	3,0	5,0	004	<u>Trịnh Đăng</u>	
5	117323033	Hồ Võ Tuấn	Kiệt	06/01/2005	Nam	8,0	4,5	6,3	005	<u>Hồ Võ Tuấn</u>	
6	117323034	Nguyễn Anh	Luân	30/04/2005	Nam	7,0	4,8	5,9	006	<u>Nguyễn Anh</u>	5,9
7	117323035	Nguyễn Minh	Mẫn	06/03/2005	Nam	7,5	5,0	6,3	007	<u>Nguyễn Minh</u>	
8	117323037	Hồ Thị Hồng	Nhiên	20/10/2005	Nữ	8,0	6,0	7,0	008	<u>Hồ Thị Hồng</u>	
9	117323038	Nguyễn Minh	Nhật	17/08/2002	Nam	6,8	4,3	5,6	009	<u>Nguyễn Minh</u>	
10	117323039	Nguyễn Huyền Quỳnh	Như	21/01/2005	Nữ	7,0	5,8	6,4	010	<u>Nguyễn Huyền Quỳnh</u>	
11	117323040	Trần Thị Xuân	Nương	10/05/2005	Nữ	—	—	—	—	—	
12	117323041	Kim Thị Hà	Phương	21/03/2003	Nữ	7,0	5,8	6,4	012	<u>Kim Thị Hà</u>	
13	117323042	Phan Tấn	Tài	01/07/2005	Nam	7,0	4,8	5,9	013	<u>Phan Tấn</u>	
14	117323043	Thạch Tấn	Tài	03/10/2005	Nam	8,0	4,0	6,0	014	<u>Thạch Tấn</u>	
15	117323044	Phạm Thạch Thanh	Thảo	23/03/2005	Nữ	—	—	—	—	—	
16	117323046	Trương Trọng	Toàn	21/11/2005	Nam	8,0	3,0	5,5	016	<u>Trương Trọng</u>	
17	117323047	Nguyễn Thị Khánh	Vy	12/12/2005	Nữ	8,0	4,3	6,2	017	<u>Nguyễn Thị Khánh</u>	
18	117323048LT	Võ Hoàng	Nhi	10/11/2000	Nam	7,0	4,5	5,8	018	<u>Võ Hoàng</u>	
19	117323049	Giang Nhật	Quang	04/10/2005	Nam	7,0	4,5	5,8	019	<u>Giang Nhật</u>	
20	117323050	Kim Hoàng	Mỹ	05/08/2005	Nữ	7,0	3,8	5,4	020	<u>Kim Hoàng</u>	
21	117323052	Lư Thị Ngọc	Yên	26/08/2004	Nữ	6,5	4,0	5,3	021	<u>Lư Thị Ngọc</u>	
22	117323053	Nguyễn Huỳnh Hoàng	Khiêm	25/08/2004	Nam	6,8	2,5	4,7	022	<u>Nguyễn Huỳnh Hoàng</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngân Hà

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 12 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Chu Cao Dương Phước Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (47 -)/DA23PHCN

CBGD: Lê Thủy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

12 / 01 / 2024

Phòng thi: DH 112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117323054	Tào Khánh Linh	20/10/2005	Nữ	7,0	5,0	6,0	017	Linh		
2	117323055	Thạch Thị Cham Pal	03/11/2005	Nữ	8,0	5,3	6,7	018	Pal		
3	117323056	Thạch Thị Ngọc Nhi	13/02/2005	Nữ	7,0	5,8	6,4	019	Nhi		
4	117323057	Trương Ngọc Ánh	23/01/2005	Nữ	6,8	3,5	5,2	020	Ánh		5,2
5	117323058	Võ Thị Thanh Thảo	19/01/2005	Nữ	7,0	5,0	6,0	021	Th		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Chu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (47 -)/DA23RHMA

CBGD: Lê Thủy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

12 / 01 / 2024

Phòng thi: ĐTA 111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116423001	Dương Tô Triều An	22/04/2005	Nam	7,9	4,8	6,4	001	An		
2	116423002	Lê Nguyễn Hoài An	31/01/2005	Nam	7,6	4,8	6,2	002	An		
3	116423003	Đào Thế Anh	03/06/2005	Nam	7,9	6,0	7,0	003	An		
4	116423004	Nguyễn Minh Anh	26/01/2005	Nam	9,3	4,8	7,1	004	Anh		
5	116423006	Vòng Tuệ Anh	30/09/2005	Nữ	9,0	6,3	7,7	005	Anh		
6	116423008	Nguyễn Vũ Trí Bình	17/03/2005	Nam	9,3	7,0	8,2	007	Bình		
7	116423009	Lý Diệp Gia Bảo	23/12/2005	Nam	7,8	6,5	7,2	007	Bao		
8	116423010	Hoàng Tiến Dũng	09/01/2005	Nam	7,0	5,0	6,0	008	Dũng		
9	116423011	Lê Thành Duy	08/06/2005	Nam	7,9	5,0	6,5	009	Duy		
10	116423013	Lữ Ngọc Đang	25/07/2005	Nữ	9,1	7,5	8,3	010	Đang		
11	116423015	Huỳnh Hương Giang	09/01/2005	Nữ	7,1	6,8	7,0	011	Hương		
12	116423016	Lê Minh Hải	23/05/2005	Nam	7,6	5,8	6,7	012	Hải		
13	116423017	Doãn Minh Hằng	31/07/2005	Nữ	9,1	5,3	7,2	013	Hằng		
14	116423018	Nguyễn Trần Hiếu Hạnh	26/11/2004	Nữ	9,0	6,5	7,8	014	Hạnh		
15	116423019	Vũ Đức Hậu	25/09/2005	Nam	7,1	6,0	6,6	015	Hậu		
16	116423020	Nguyễn Thế Hùng	28/03/2005	Nam	7,9	6,3	7,1	016	Hùng		
17	116423021	Nguyễn Thanh Huy	23/05/2005	Nam	7,6	4,8	6,2	017	Huy		
18	116423022	Vương Gia Huy	02/01/2005	Nam	7,1	5,5	6,3	018	Huy		
19	116423023	Trịnh Đào Ngọc Huyền	25/07/2005	Nữ	9,1	5,8	7,5	019	Huyền		
20	116423024	Lê Minh Kha	11/01/2005	Nam	8,5	5,8	7,2	020	Kha		
21	116423025	Trịnh Phúc Kha	22/08/2005	Nam	7,0	6,3	6,7	021	Kha		
22	116423026	Phan Duy Khang	08/06/2005	Nam	7,1	5,8	6,5	022	Khang		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22

Tổng số tờ: 22

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Anh Duyên

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phước Lan

Cán bộ kiểm tra: Trần Cao Dương Phước Lan

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

12/1

D 81.112

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (47 -)/DA23RHMA

CBGD: Lê Thủy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

12 / 01 / 2024

Phòng thi: D 81.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116423028	Nguyễn Chí Khanh	24/10/2005	Nam	9,3	5,5	7,4	001			
2	116423029	Đỗ Hoàng Mai Khê	06/07/2005	Nữ							
3	116423030	Huỳnh Công Nguyên Khoa	01/01/2005	Nam	7,1	5,3	6,2	003			
4	116423031	Lê Đăng Khoa	17/04/2005	Nam	9,8	5,3	7,6	006			
5	116423033	Trần Vũ Anh Khoa	14/01/2005	Nam	7,1	5,3	6,2	005			
6	116423034	Cao Quý Khoái	08/09/2005	Nam	7,3	4,8	6,1	006			
7	116423035	Lê Minh Khôi	16/05/2005	Nam	8,4	5,3	6,9	007			
8	116423036	Ngô Trọng Khôi	01/07/2005	Nam	7,9	3,5	5,7	008			
9	116423037	Vì Trung Kiên	08/11/2005	Nam	7,1	3,5	5,3	009			
10	116423038	Nguyễn Lê Gia Kiệt	20/06/2005	Nam							
11	116423039	Lê Trần Phú Lộc	29/07/2005	Nam	7,6	5,8	6,7	011			
12	116423040	Trần Khánh Linh	20/01/2005	Nữ	9,1	5,0	7,1	012			
13	116423041	Trương Hoàng Mỹ	08/03/2005	Nữ	9,1	4,8	7,0	013			
14	116423069	Thái Thị Thủy Tiên	14/02/2005	Nữ	7,1 ²⁰⁰	6,3	6,7	014			7,1
15	116423083	Nguyễn Hồng Xuân Lam	30/06/2004	Nữ	7,6	5,8	6,7	015			
16	116423084	Sầm Kỳ Đăng	15/02/2004	Nam	8,0	3,5	5,8	016			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 16..

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 14..

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 14..

Tổng số tờ: ..

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2: ..

Điểm QT: 50...%; Điểm KT: 50...%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Đào Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

1211

ĐT 1.113

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (47 -)/DA23RHMB

CBGD: Lê Thủy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
12 / 01 / 2024

Phòng thi: ĐT 1.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116423042	Trần Hồng Ngọc	Mai	07/04/2005	Nữ	8,5	4,3	6,4	001	<u>Th</u>	
2	116423043	Nguyễn Thị Thảo	Minh	06/07/2004	Nữ	8,5	6,5	7,5	002	<u>Minh</u>	
3	116423044	Huỳnh Trung	Nam	28/12/2005	Nam	7,5	5,8	6,7	003	<u>Trung</u>	
4	116423045	Hình Ngọc	Ngân	17/08/2005	Nữ	7,6	6,0	6,8	004	<u>Hình</u>	
5	116423046	Võ Minh Bảo	Ngọc	25/12/2005	Nữ	10,0	5,0	7,5	005	<u>Ngọc</u>	
6	116423047	Trần Mẫn	Nghi	22/11/2004	Nữ	7,5	7,3	7,4	006	<u>Minh</u>	
7	116423048	Nguyễn Trung	Nguyễn	20/09/2005	Nam	7,6	7,0	7,3	007	<u>Trung</u>	
8	116423049	Dương Minh	Nhật	25/05/2004	Nam	7,6	6,5	7,1	008	<u>Nhật</u>	
9	116423050	Lê Quang	Nhật	20/08/2005	Nam	7,5	5,3	6,4	009	<u>Quang</u>	
10	116423051	Đào Quỳnh	Như	03/11/2005	Nữ	9,0	4,0	6,5	010	<u>Như</u>	
11	116423055	Lê Thị Lệ	Quỳnh	30/10/2005	Nữ	8,5	4,3	6,4	011	<u>Lệ</u>	
12	116423056	Huỳnh Bảo	Sơn	18/02/2005	Nam	8,5	4,0	6,3	012	<u>Bảo</u>	
13	116423057	Nguyễn Hữu Phú	Tài	18/01/2005	Nam	7,5	5,5	6,5	013	<u>Phú</u>	
14	116423059	Lê Nguyễn Nhật	Thành	15/03/2005	Nam	7,5	5,0	6,3	014	<u>Thành</u>	
15	116423060	Trương Minh Hoài	Thi	13/03/1992	Nam	7,5	5,5	6,5	015	<u>Hoài</u>	
16	116423061	Nguyễn Phúc Trường	Thịnh	03/06/2004	Nam	7,8	3,8	5,8	016	<u>Trường</u>	
17	116423062	Nguyễn Minh	Thông	15/03/2005	Nam	8,0	5,8	6,9	017	<u>Minh</u>	
18	116423065	Đinh Nguyễn Việt	Thư	13/07/2004	Nữ	7,5	5,5	6,5	018	<u>Việt</u>	
19	116423066	Nguyễn Anh	Thư	18/10/2005	Nữ	10,0	4,0	7,0	019	<u>Anh</u>	
20	116423067	Phan Thị	Thư	03/12/2005	Nữ	—	—	—	—	—	
21	116423068	Trần Thị Anh	Thư	05/03/2005	Nữ	7,5	4,0	5,8	021	<u>Anh</u>	
22	116423070	Vũ Hương	Trà	14/05/2005	Nữ	10,0	6,8	8,4	022	<u>Trà</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 21

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: —

Tổng số tờ: —

Cán bộ coi thi 1: Trần Hồng Ngọc

Cán bộ coi thi 2: —

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: —

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (47 -)/DA23RHMB

CBGD: Lê Thúy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

12 / 01 / 2024

Phòng thi: 07.111.4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116423071	Mai Thị Bích Trâm	27/10/2005	Nữ	8,6	6,5	7,6	001	<u>gras</u>		
2	116423072	Nguyễn Huỳnh Trâm	23/10/2005	Nữ	/	/	/	/			/
3	116423073	Nguyễn Thái Trâm	04/09/2005	Nữ	10,0	4,3	7,2	003	<u>gru</u>		
4	116423074	Trương Nguyễn Trung Trục	06/12/2005	Nam	7,5	7,8	7,7	004	<u>gru</u>		
5	116423075	Trần Minh Trọng	15/04/2005	Nam	7,5	6,8	7,2	005	<u>gru</u>		
6	116423076	Nguyễn Lệ Uyên	26/10/2005	Nữ	8,5	5,5	7,0	006	<u>gru</u>		
7	116423077	Phạm Thị Hải Vân	31/07/2005	Nữ	10,0	5,5	7,8	007	<u>gru</u>		
8	116423078	Nguyễn Thị Tường Vy	23/04/2003	Nữ	10,0	5,8	7,9	008	<u>gru</u>		
9	116423079	Nguyễn Tường Vy	17/11/2005	Nữ	10,0	4,3	7,2	009	<u>gru</u>		
10	116423080	Trần Tường Vy	07/12/2005	Nữ	8,5	4,8	6,7	010	<u>gru</u>		
11	116423081	Võ Thị Kim Yến	15/03/2005	Nữ	10,0	5,8	7,9	011	<u>gru</u>		
12	116423082	Trương Minh Ngọc	07/05/2005	Nữ	8,6	4,8	6,7	012	<u>gru</u>		
13	116423085	Trần Quang Vinh	25/11/2002	Nam	7,5	5,3	6,4	013	<u>gru</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 13

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 12

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 12

Tổng số tờ: /

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Quo Diem phuong lan

Cán bộ coi thi 2: /

Cán bộ kiểm tra: gru

Nguyễn Thị Lành